Số: 5239/KH-SGDĐT
Thời gian ký: 2026-07-17T07:30:25+07:00

Phụ lục I
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(*Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo*)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
1	Tổ chức quán triệt, triển khai Quyết định số 1535/QĐ-UBND và Kế hoạch của Sở đến toàn ngành	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; UBND cấp xã; đơn vị trực thuộc	Quý III/2026	Hội nghị triển khai; văn bản chỉ đạo
2	Xây dựng kế hoạch triển khai của từng phòng thuộc Sở và các đơn vị trực thuộc	Các phòng thuộc Sở	UBND cấp xã; các đơn vị trực thuộc	Quý III/2026	Kế hoạch của từng đơn vị
3	Rà soát thực trạng mạng lưới cơ sở giáo dục, quy mô trường lớp, đội ngũ, cơ sở vật chất	Phòng KH-TC	Các phòng chuyên môn; UBND cấp xã; các đơn vị trực thuộc	Hằng năm	Báo cáo rà soát
4	Tham mưu sắp xếp, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp quy hoạch tỉnh	Phòng KH-TC	Các phòng chuyên môn; UBND cấp xã; các đơn vị trực thuộc	Hằng năm	Phương án, báo cáo tham mưu
5	Rà soát nhu cầu biên chế, tuyển dụng, bố trí đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng chuyên môn; UBND cấp xã; các đơn vị trực thuộc	Hằng năm	Báo cáo nhu cầu, phương án bố trí
6	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên theo Chương trình GDPT 2018, chuyển đổi số, AI, STEM	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng chuyên môn; cơ sở đào tạo; UBND cấp xã; cơ sở giáo dục	Hằng năm	Kế hoạch, lớp bồi dưỡng
7	Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn	Phòng GDTrH	Phòng GDMN-TH, Phòng QLCL-GDNN, UBND cấp xã, các cơ sở giáo dục	Hằng năm	Báo cáo kết quả chất lượng giáo dục
8	Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật	Phòng GDTrH	Phòng QLCL-GDNN; trường THPT chuyên, các trường THPT; UBND cấp xã	Hằng năm	Kết quả thi HSG, KHKT
9	Triển khai giáo dục STEM,	Phòng	Phòng GDMN-	Hằng năm	Báo cáo kết

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
	giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh	GDTrH	TH; Phòng QLCL-GDNN; các đơn vị liên quan		quả triển khai
10	Triển khai lộ trình tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai theo hướng dẫn của Bộ GDĐT	Phòng GDTrH	Phòng GDMN-GDTH; UBND cấp xã; các cơ sở giáo dục	Theo lộ trình của Bộ GDĐT	Kế hoạch và báo cáo thực hiện
11	Thực hiện chuyển đổi số; triển khai học bạ số, hồ sơ số, sổ điểm điện tử, học liệu số	Văn phòng Sở (Công chức phụ trách CNTT của Sở)	Các phòng chuyên môn; UBND cấp xã; UBND cấp xã; các cơ sở giáo dục	Hằng năm	Báo cáo chuyển đổi số
12	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn; cơ sở giáo dục	Hằng năm	Cơ sở dữ liệu được cập nhật
13	Rà soát nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	Phòng KH-TC	Các phòng chuyên môn; UBND cấp xã; các cơ sở giáo dục	Hằng năm	Danh mục đầu tư
14	Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án	Phòng KH-TC	Sở Tài chính và các đơn vị liên quan	Hằng năm	Kế hoạch phân bổ kinh phí
15	Đầu tư trường chuẩn quốc gia, trường học thông minh, phòng học STEM	Phòng KH-TC	Các phòng thuộc Sở; UBND cấp xã; các đơn vị, cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2026-2030	Các công trình, hạng mục hoàn thành
16	Triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục	Phòng QLCL-GDNN	Các phòng chuyên môn; UBND cấp xã; các cơ sở giáo dục	Hằng năm	Báo cáo kiểm định
17	Đánh giá kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia	Phòng QLCL-GDNN	Các phòng chuyên môn; UBND cấp xã; các cơ sở giáo dục	Hằng năm	Danh sách trường đạt chuẩn
18	Tăng cường hợp tác với các trường đại học, doanh nghiệp và tổ chức trong, ngoài nước	Phòng QLCL-GDNN	Các phòng chuyên môn; các đơn vị liên quan	Hằng năm	Chương trình phối hợp
19	Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; huy động nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục	Phòng KH-TC	Các phòng chuyên môn; các cơ sở giáo dục	Hằng năm	Báo cáo kết quả huy động
20	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn	Hằng năm	Kế hoạch kiểm tra; kết

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Kết quả
					luận kiểm tra
21	Sơ kết kết quả thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2028	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; UBND cấp xã; các đơn vị, cơ sở giáo dục	Năm 2028	Báo cáo sơ kết
22	Tổng kết việc thực hiện Đề án giai đoạn 2026 - 2030	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; UBND cấp xã; các đơn vị, cơ sở giáo dục	Năm 2030	Báo cáo tổng kết trình UBND tỉnh

Phụ lục II

HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(*Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo*)

1. Nhóm chỉ tiêu về quy mô và mạng lưới

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến 2030	Đơn vị theo dõi
1	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường	%	100	Phòng GDMN-TH
2	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN	%	100	Phòng GDMN-TH
3	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	90	Phòng QLCL-GDNN
4	Tỷ lệ trường có nhà vệ sinh đạt chuẩn	%	100	Phòng KH-TC
5	Tỷ lệ trường có nước sạch	%	100	Phòng KH-TC
6	Tỷ lệ trường có Internet tốc độ cao	%	100	Văn phòng Sở

2. Nhóm chỉ tiêu về đội ngũ

STT	Chỉ tiêu	Đến 2030
7	Giáo viên đạt chuẩn	100%
8	Giáo viên trên chuẩn	25-30%
9	CBQL được bồi dưỡng quản trị số	100%
10	Giáo viên được bồi dưỡng chuyển đổi số hằng năm	100%
11	Giảm thiếu giáo viên cục bộ	Đạt

3. Nhóm chỉ tiêu về chất lượng giáo dục

STT	Chỉ tiêu	Đến 2030
12	Hoàn thành chương trình Tiểu học	≥99,5%
13	Hoàn thành chương trình THCS	≥98%
14	Tốt nghiệp THPT	99-100%
15	Học sinh THPT đạt bậc 3 tiếng Anh	≥30%
16	Học sinh đạt chuẩn năng lực Tiểu học	≥99%
17	Học sinh đạt chuẩn năng lực THCS	≥95%
18	Học sinh đạt chuẩn năng lực THPT	≥90%
19	Tỷ lệ HSG quốc gia đạt giải	20-25%/năm
20	Sản phẩm KHKT quốc gia	≥01/năm

4. Nhóm chỉ tiêu về chuyển đổi số

STT	Chỉ tiêu	Đến 2030
21	Trường sử dụng học bạ số	100%

STT	Chỉ tiêu	Đến 2030
22	Trường sử dụng hồ sơ số	100%
23	Sổ điểm điện tử	100%
24	Báo cáo điện tử	100%
25	Trường có LMS hoặc nền tảng học tập số	100%
26	Lớp học số	70%
27	Trường học thông minh	30% THPT

5. Nhóm chỉ tiêu STEM - AI - Ngoại ngữ

STT	Chỉ tiêu	Đến 2030
28	Trường triển khai STEM	100%
29	Trường có CLB STEM	≥50%
30	Học sinh tham gia STEM	≥60%
31	THPT có CLB Tiếng Anh	100%
32	Triển khai AI trong quản trị	100% đơn vị

6. Nhóm chỉ tiêu phân luồng

STT	Chỉ tiêu	Đến 2030
33	Sau THCS vào GDNN	≥35%
34	Sau THPT học ĐH-CĐ	55%
35	Sau THPT học nghề	25-30%

7. Nhóm chỉ tiêu xã hội hóa

STT	Chỉ tiêu	Đến 2030
36	Nguồn lực xã hội hóa	20%
37	Mô hình hợp tác công tư	2-3
38	Trường hợp tác doanh nghiệp	≥50%
39	Giá trị huy động xã hội hóa	Theo năm

8. Nhóm quản trị

STT	Chỉ tiêu	Đến 2030
40	Trường quản trị theo KPI	70%
41	Đơn vị cập nhật CSDL đúng hạn	100%
42	Đơn vị hoàn thành Kế hoạch	100%

Phụ lục III

TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(*Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo*)

Nội dung	2026	2027	2028	2029	2030
Ban hành kế hoạch	●				
Xây dựng kế hoạch đơn vị	●				
Rà soát mạng lưới	●	●	●	●	●
Đầu tư CSVC	●	●	●	●	●
Đào tạo giáo viên	●	●	●	●	●
Triển khai STEM	●	●	●	●	●
Chuyển đổi số	●	●	●	●	●
Học bạ số	●	●	●	●	●
Trường học thông minh		●	●	●	●
Kiểm định chất lượng	●	●	●	●	●
Sơ kết			●		
Tổng kết					●

Ghi chú: ● là thời gian triển khai nhiệm vụ.

Phụ lục IV

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(*Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo*)

I. Công tác triển khai

- Ban hành kế hoạch
- Công tác tuyên truyền
- Công tác chỉ đạo

II. Kết quả thực hiện

1. Mạng lưới trường lớp

……

2. Đội ngũ

……

3. Cơ sở vật chất

……

4. Chuyển đổi số

……

5. Giáo dục STEM

……

6. Chất lượng giáo dục

……

7. Hướng nghiệp, phân luồng

……

8. Xã hội hóa

……

III. Đánh giá chung

1. Thuận lợi

……

2. Khó khăn

……

3. Nguyên nhân

……

IV. Kiến nghị, đề xuất

……

V. Phụ biểu số liệu

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Đạt	Tỷ lệ	Ghi chú

Phụ lục V

MA TRẬN PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM (RACI)

(*Kèm theo Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo*)

Nhiệm vụ	Văn phòng	Phòng TCCB	Phòng KH-TC	Phòng GDMN-GDTH	Phòng GDTrH	Phòng QLCL-GDNN	Đơn vị trực thuộc
Triển khai Kế hoạch	C	C	C	C	A	C	R
Tuyên truyền	A	I	I	R	R	I	R
Quy hoạch mạng lưới	C	C	A	C	C	I	R
Đầu tư CSVC	I	I	A	C	C	I	R
Phát triển đội ngũ	I	A	C	C	C	I	R
Nâng cao chất lượng giáo dục	I	C	I	R	A	R	R
Kiểm định chất lượng	I	I	I	C	C	A	R
Chuyển đổi số	A	C	C	R	R	C	R
STEM - AI	I	C	I	R	A	I	R
Theo dõi KPI	A	C	C	C	C	C	R
Sơ kết, tổng kết	A	C	C	C	C	C	R

Chú thích:

- R: Đơn vị trực tiếp thực hiện.
- A: Đơn vị chịu trách nhiệm chính.
- C: Đơn vị phối hợp, tham vấn.
- I: Đơn vị được thông tin.